

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Mở rộng và nâng công suất nhà xưởng sản xuất, chế biến nông sản, hạt điều xuất khẩu và sản xuất dầu điều từ 40.000 tấn/năm lên 52.000 tấn/năm tại xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Chi nhánh Công ty TNHH MTV HKV làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Mở rộng và nâng công suất nhà xưởng sản xuất, chế biến nông sản, hạt điều xuất khẩu và sản xuất dầu điều từ 40.000 tấn/năm lên 52.000 tấn/năm tại xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Chi nhánh Công ty TNHH MTV HKV làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 14 ngày 11/10/2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 800/TTr-STNMT ngày 24/11/2021.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Mở rộng và nâng công suất nhà xưởng sản xuất, chế biến nông sản, hạt điều xuất khẩu và sản xuất dầu điều từ 40.000 tấn/năm lên 52.000 tấn/năm (sau đây gọi là Dự án) của Chi nhánh Công ty TNHH MTV HKV (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất, chế biến nông sản, hạt điều xuất khẩu công suất 40.000 tấn/năm (chế biến hạt điều công suất 3.000 tấn sản phẩm/năm và phụ phẩm ngành điều thành nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, công suất 37.000 tấn/năm) tại xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Chi nhánh Công ty TNHH MTV HKV làm chủ đầu tư.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND xã Tân Lợi, Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Công ty TNHH MTV HKV và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-85-QĐPD-25/11).


CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
MỞ RỘNG VÀ NÂNG CÔNG SUẤT NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN
NÔNG SẢN, HẠT ĐIỀU XUẤT KHẨU VÀ SẢN XUẤT DẦU ĐIỀU TỪ 40.000
TẤN/NĂM LÊN 52.000 TẤN/NĂM TẠI XÃ TÂN LỢI, HUYỆN ĐỒNG PHÚ,
TỈNH BÌNH PHƯỚC DO CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
MTV HKV LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 3040.../QĐ-UBND ngày 26/11/2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Dự án mở rộng và nâng công suất nhà xưởng sản xuất, chế biến nông sản, hạt điều xuất khẩu và sản xuất dầu điều từ 40.000 tấn/năm lên 52.000 tấn/năm.

1.2. Chủ Dự án: Chi nhánh Công ty TNHH MTV HKV.

* Công ty TNHH MTV HKV được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 3801085924 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 27/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20/02/2020.

Trụ sở chính: Số 99, đường Ngô Thị Nhậm, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Jae Yong, chức danh: Giám đốc.

* Chi nhánh Công ty TNHH MTV HKV được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3801085924-001 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 28/10/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20/5/2020 (hoạt động theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV HKV).

Trụ sở chính: Ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Người đứng đầu: Ông Kim Jae Yong.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô:

- *Quy mô, công suất:* Sản xuất, chế biến nông sản, hạt điều xuất khẩu và sản xuất dầu điều công suất 52.000 tấn/năm, trong đó: chế biến hạt điều, công suất 3.000 tấn sản phẩm/năm; phụ phẩm ngành điều công suất 37.000 tấn/năm; sản xuất dầu điều công suất 12.000 tấn sản phẩm/năm

- *Diện tích:* Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 1,6 ha.

1.5. Công nghệ của Dự án:

- *Chế biến điều:* Nguyên liệu (điều thô) → Phơi, sàng → Hấp → Tách vỏ cứng → Sấy → Bóc vỏ lụa → Bắn màu – phân loại → Hun trùng → Sàng – hút chân không → Dò kim loại → Đóng thùng.

- *Chế biến phụ phẩm ngành điều thành nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc:* Phụ phẩm ngành điều (vỏ lụa, nhân hạt điều sâu...) → Xay (nghiền) → Hấp cách thủy → Ép thành bánh → Đóng thùng.

- *Sản xuất dầu điều từ vỏ hạt điều:* Vỏ hạt điều → Ép → Bể lắng → Bồn chứa thành phẩm.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà xưởng 3, trạm cân, sân phơi, bể chứa thành phẩm, đường giao thông, nhà văn phòng, nhà ở, nhà bảo vệ, kho chứa chất thải thông thường, kho chứa chất thải nguy hại, đất trồng cây xanh, đất trống (dự phòng).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Bụi từ quá trình thi công san nền; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công; nước thải sinh hoạt; nước thải thi công xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm; bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất, chế biến hạt điều và dây chuyền sản xuất, chế biến phụ phẩm ngành điều thành nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi; hơi khí độc từ quá trình ép dầu điều; nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày, chứa chủ yếu là cặn bẩn và các chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 2,025 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng nước thải khoảng 1,8 m³/ngày.đêm, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

- *Nước thải sản xuất:* Nước thải vệ sinh nhà xưởng khoảng 1,196 m³/ngày; nước thải từ bồn xử lý khí thải khoảng 01 m³/lần xả (01 tháng); nước xả cặn lò sấy phát sinh khoảng 0,6 m³/lần xả (06 tháng).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi từ quá trình thi công san nền:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,63 mg/m³.

- Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, HC.

- Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất, chế biến hạt điều và dây chuyền sản xuất, chế biến phụ phẩm ngành điều thành nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi: Nồng độ bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất, chế biến hạt điều khoảng 0,825 – 1,72 mg/m³; nồng độ bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất, chế biến phụ phẩm ngành điều thành nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi khoảng 1,21 mg/m³.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Hơi khí độc từ quá trình ép dầu điều: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như axit anacardic và cardol.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Khối lượng phát sinh trong suốt quá trình xây dựng khoảng 2,155 tấn bao gồm vật liệu xây dựng phế thải, rơi vãi như xi măng, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 36 kg/ngày chủ yếu là rác thực phẩm, giấy, ni lông, carton, vải, gỗ, thủy tinh...

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 32 kg/ngày chủ yếu là rác thực phẩm, giấy, ni lông, carton, vải, gỗ, thủy tinh, lon thiếc, nhôm, kim loại...

- *Chất thải rắn thông thường*: Khối lượng phát sinh khoảng 183.104 kg/ngày thành phần gồm vỏ cứng, vỏ lụa, nhân hạt điều sâu, hạt điều vụn, tro và bã hạt điều.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 58 kg/tháng trong quá trình xây dựng (06 tháng) bao gồm các loại chất thải như dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, cặn sơn thải, thùng chứa dầu nhớt thải, hộp đựng mực in thải, ắc quy thải, ắc quy hư hỏng...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.237 kg/năm bao gồm các loại chất thải như bóng đèn huỳnh quang, chất hấp thụ, vật liệu đệm của tháp hấp thụ, thùng chứa dầu nhớt thải, hộp đựng mực in thải, dầu nhớt thải, ắc quy thải, cặn dầu điều.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng:* Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom vào hố lắng sơ bộ có thể tích 03 m³. Bụi, đất, cát có trong nước thải được lắng xuống và phần nước sau lắng được tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông của giai đoạn xây dựng.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý về bể tự hoại 05 ngăn (kích thước = 1,5 m x 08 m x 2,5 m) đã xây dựng tại Công ty. Khi các hầm chứa tại các nhà vệ sinh di động đầy, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho hoạt động trộn bê tông của giai đoạn xây dựng.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại 05 ngăn chảy qua bể chứa nước rỉ. Chủ Dự án xây dựng 02 bể tự hoại 05 ngăn với kích thước từng bể là 1,5 m x 08 m x 2,5 m và 02 bể chứa nước rỉ với kích thước mỗi bể là 03 m x 02 m x 05 m. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý lượng bùn chứa trong bể tự hoại (khi đầy), lượng nước rỉ trong bể chứa nước rỉ theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sản xuất:* Nước thải sản xuất phát sinh được thu gom và dẫn về bể chứa có thể tích 15 m³. Bể chứa nước thải được xây dựng bằng tường gạch, vữa bê tông, nền đổ bê tông chống thấm, có nắp đậy. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định. Chủ Dự án phải tiến hành phân định nước thải này, trường hợp là chất thải nguy hại thì phải quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

Chủ Dự án phải lập sổ theo dõi đối với việc vận chuyển nước thải từ Dự án đến đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; sổ theo dõi đảm bảo đầy đủ các thông tin hàng ngày về biển số xe bồn vận chuyển, dung tích bồn chứa của xe vận chuyển, lưu lượng vận chuyển của mỗi chuyến, số lượt vận chuyển và Chủ Dự án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin này, chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ Dự án phải được thu gom, lưu chứa và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định. Tuyệt đối không được thải vào môi trường dưới bất kỳ hình thức nào và phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền:* Tưới nước giảm bụi trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi, áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hoá, vận hành với tối ưu hoá các quá trình thi

công...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển, máy móc thiết bị:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; tránh gia tăng mật độ xe vào các thời gian cao điểm và giờ nghỉ của người dân; bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho Dự án và che phủ bạt kín nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình bốc dỡ, lưu chứa nguyên vật liệu xây dựng...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm:* Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực nhà máy; không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chở quá tải; không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng; kiểm tra, bảo hành xe đúng theo quy định của nhà sản xuất; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện; trồng cây xanh quanh khu vực nhà máy và hai bên các tuyến đường nội bộ; thường xuyên vệ sinh, quét đường, phun nước sân bãi vào mùa khô để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào nhà máy...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất, chế biến hạt điều và dây chuyền sản xuất, chế biến phụ phẩm ngành điều thành nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi:*

Bụi phát sinh từ quá trình sàng – phân loại nguyên liệu: Chủ Dự án bố trí riêng khu vực sàng nguyên liệu với các khu vực sản xuất khác; trang bị khẩu trang chống bụi cho công nhân và lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi tại khu vực sàng với quy trình công nghệ như sau: Máy sàng – phân loại → Chụp hút → Thiết bị lọc túi vải → Khí sạch thoát ra môi trường. Thiết bị lọc túi vải có 02 túi vải, túi vải được sử dụng là loại polyester chuyên dụng, đường kính mỗi túi lọc là 600 mm. Lượng bụi này được thu gom vào cuối ngày và tập trung vào các bao tải, được lưu trữ tại nhà chứa bụi của Dự án (diện tích 06 m²).

Bụi phát sinh từ hoạt động bắn màu – phân loại và hoạt động xay nghiền nguyên liệu: Máy nghiền kín, băng chuyền thiết kế có phủ bạt để giảm thiểu bụi; xây dựng nhà xưởng cao, thông thoáng khí; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly.

Bụi phát sinh từ hoạt động cấp liệu và cào tro, xỉ từ lò hơi: Bố trí khu vực chứa lò hơi riêng với các khu vực khác; vệ sinh thường xuyên khu vực cấp liệu lò hơi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải lò hơi:* Khí thải phát sinh từ lò đốt được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý khí có quy trình: Khí thải lò hơi → Cyclone → Tháp hấp thụ (dung dịch hấp thụ là NaOH) → Quạt hút → Ống khói (đường kính 400 mm, cao 11 m) → Khí thải xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $k_q = 1$, $k_v = 1,2$). Bụi từ cyclone được thu gom về nhà chứa bụi có diện tích 06 m².

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi và hơi độc từ khu vực ép dầu vỏ hạt điều, khu vực chứa vỏ hạt điều, bã điều sau ép và phân xưởng ép dầu vỏ hạt điều:* Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động tại các khu vực kho lưu chứa, xưởng ép dầu; trồng cây xanh xung quanh nhà máy; nguyên liệu được thu mua về được sử dụng hết trong ngày; thường xuyên vệ sinh kho lưu giữ nguyên liệu; bố trí hệ thống cửa, các quạt thông gió trong nhà xưởng.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Môi trường không khí khu vực sản xuất trong giai đoạn vận hành đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Chủ Dự án tận dụng san lấp nền tại chỗ đối với đất, đá, gạch và thu gom vào các thùng chứa, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định đối với các chất thải không thể tận dụng.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ Dự án trang bị thùng chứa để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ Dự án trang bị thùng chứa có thể tích 60 lít, có nắp đậy và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo đúng quy định.

- *Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại:* Vỏ lụa hạt điều, nhân hạt điều vụn được tận thu và làm nguyên liệu đầu vào cho dây chuyền chế biến nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi của Dự án. Bã điều sau ép được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định, tần suất thu gom 01 lần/ngày. Chất thải có thể tái chế, tái sử dụng khác; bã điều, cặn dầu điều từ quá trình sản xuất dầu điều; các chất thải khác được thu gom, lưu trữ tại kho chứa chất thải rắn thông thường và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý định kỳ theo đúng quy định. Kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 06 m², xây dựng bằng tường gạch, mái che bằng tôn, nền đổ bê tông.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào thùng chứa HDPE, có nắp đậy sau đó lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu có diện tích 06 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Kho chứa chất thải nguy hại có mái che, sàn cao tránh bị ngập nước, nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây, tô 02 mặt, sơn nước, mái lợp tôn, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa bằng nhựa HPDE, có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong khu vực kho chứa chất thải nguy hại. Chủ Dự án đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại với diện 06 m², có mái che, sàn cao tránh bị ngập nước, nền bê tông, tường xây, tô 02 mặt, sơn nước, mái lợp tôn, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày

30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Quy định tốc độ lưu thông tối đa của các loại xe bên trong khu dân cư; trồng cây xanh tạo hành lang cách ly...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ:* Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy chữa cháy, đầu tư các thiết bị phòng cháy chữa cháy, bố trí đường ống dẫn nước chống cháy theo mạng lưới vòng tại tất cả các khu vực chính, đặt các hòm cứu hỏa tại các điểm gần các khu chức năng thuận tiện cho việc chữa cháy...

- *Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:* Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý, người vận hành các công trình xử lý bụi được đào tạo các kiến thức về công trình vận hành xử lý bụi, khí thải; nếu không tự khắc phục được sự cố tại chỗ thì Chủ Dự án ngưng hoạt động sản xuất để sửa chữa và khắc phục, khi nào khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục sản xuất.

- *Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất, dầu điều:* Hệ thống kho chứa nguyên nhiên liệu đáp ứng đầy đủ các quy định có liên quan về kỹ thuật, an toàn; xây dựng quy trình làm việc đối với quá trình vận chuyển và nhập nhiên liệu, thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập nhiên liệu; các phương tiện vận chuyển xăng dầu, nguyên liệu lỏng, sản phẩm dầu điều... phải có đủ tư cách pháp nhân, cũng như đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, kỹ thuật khi vận chuyển trên đường giao thông; Chủ Dự án cùng cơ quan chức năng lập phương án ứng phó khẩn cấp sự cố tràn đổ hóa chất, tổ chức và thực hiện diễn tập phương án với trường hợp giả định ít nhất 01 năm/lần...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định gồm:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom nước thải.
- Công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải;
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO_x, CO, SO₂.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng và thành phần.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí:

* *Giám sát môi trường không khí tại khu vực sản xuất:*

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực sàng nguyên liệu (dây chuyền chế biến hạt điều), 01 điểm tại khu vực máy chẻ, 01 điểm tại khu vực bắn màu – phân loại, 01 điểm tại khu vực nghiền nguyên liệu; 01 điểm tại khu vực máy ép thành phẩm; 01 điểm tại khu vực sản xuất dầu điều và 01 điểm tại khu vực chứa bã điều sau ép và vỏ hạt điều.

- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC, phenol.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

* *Giám sát khí thải:*

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại ống khói sau xử lý, 01 điểm tại khu vực ép dầu điều và 01 điểm sau hệ thống lọc túi vải.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, O₂, bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC, phenol.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

5.2.2. Giám sát nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất:

Sở theo dõi đối với việc vận chuyển nước thải sinh hoạt từ Dự án đến nơi xử lý và định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định, không để nước thải chưa xử lý thoát ra ngoài môi trường.

6.3. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.4. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.5. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 50/UBND ngày 08/03/2021 của UBND xã Tân Lợi về việc ý kiến tham vấn Báo cáo ĐTM về Dự án “Mở rộng và nâng công suất nhà xưởng sản xuất, chế biến nông sản, hạt điều xuất khẩu và sản xuất dầu điều từ 40.000 tấn/năm lên 52.000 tấn/năm” và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 05/3/2021. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.6. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.7. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập kế hoạch vận hành thử nghiệm và hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.